

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /QĐ-ĐHTNH ngày 13/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

I. CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Mã số: 7340101)

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (Program Objectives)

1.1. MỤC TIÊU CHUNG (Program General Objectives)

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng nhằm đạt mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt; có kiến thức, trình độ chuyên môn toàn diện; có tư duy sáng tạo và kỹ năng, khả năng làm việc ở nhiều bộ phận, phòng ban khác nhau trong các tổ chức/doanh nghiệp, thích nghi được với môi trường làm việc thay đổi, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực trình độ đại học thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.

1.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ (Program Specific Objectives)

Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trang bị cho sinh viên những năng lực cần thiết để tham gia vào hoạt động kinh doanh và quản trị hiện đại:

- PSO1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản của một nhà quản trị liên quan đến hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- PSO2: Có năng lực ra quyết định, xây dựng và kiểm soát các kế hoạch trong các lĩnh vực khác nhau.
- PSO3: Có năng lực khởi nghiệp và điều hành một doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực khác nhau.
- PSO4: Có ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh ở kỷ nguyên số hóa.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. VỀ KIẾN THỨC

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề trong các hoạt động của tổ chức.
- PLO2: Tổng hợp được các kiến thức cơ sở ngành để giải thích được các tình huống thực tế, nhất là những lĩnh vực tài chính ngân hàng, kế toán, quản trị doanh nghiệp.
- PLO3: Vận dụng linh hoạt kiến thức chuyên ngành QTKD được thiết kế theo từng lĩnh vực chuyên sâu để thực hiện tốt công việc đảm nhận trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2.2. VỀ KỸ NĂNG

- PLO4: Thiết kế được các mô hình kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- PLO5: Nhận diện và phân tích được sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường kinh doanh đối với hoạt động của tổ chức.
- PLO6: Nhận diện và đề xuất được các giải pháp để tạo dựng và phát triển văn hóa cho tổ chức/doanh nghiệp.
- PLO7: Thực thi được các quyết định cơ bản trong quản trị doanh nghiệp như: quyết định lựa chọn nhà cung cấp, quyết định dự trữ, sản xuất và bán hàng, về logistics, nhân sự, tài chính, marketing,...
- PLO8: Xây dựng và triển khai được các kế hoạch kinh doanh, điều phối hoạt động nhóm; có khả năng đánh giá, cải tiến hoạt động chuyên môn.
- PLO9: Sử dụng được công nghệ thông tin và các công cụ hiện đại phục vụ công tác quản trị kinh doanh.
- PLO10: Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường toàn cầu hóa.

2.3.VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM

- PLO11: Làm việc độc lập, khoa học, sáng tạo và làm việc nhóm hiệu quả.
- PLO12: Có ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội trong kinh doanh, khả năng tìm kiếm việc làm cho bản thân và cho người khác.

3.CHUẨN ĐẦU VÀO

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện, có nguyện vọng được tuyển vào Trường theo Quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định tuyển sinh của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

4.VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Tùy thuộc năng lực thực sự của mỗi cá nhân sau khi ra trường mà các cử nhân Quản trị kinh doanh có thể đảm nhận một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc khác nhau, cụ thể là:

- Nhân viên kinh doanh;
- Chuyên viên của các bộ phận: Marketing, nhân sự, kế hoạch, vật tư, hành chính, dự án, chất lượng...
- Trợ lý cho các nhà quản trị; Điều phối dự án;
- Chuyên viên chăm sóc khách hàng; Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh;
- Có thể đảm nhận trọng trách là một quản trị viên và đủ khả năng tham gia quản lý một bộ phận của doanh nghiệp, như: Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh; quản trị chất lượng; tổ chức hành chính; tái cấu trúc doanh nghiệp...
- Tùy theo khả năng phát triển, sinh viên sau khi tốt nghiệp có tiềm năng vươn lên đảm nhận những vị trí công tác, như: Trưởng nhóm, bộ phận kinh doanh; trưởng, phó phòng kinh doanh,... hoặc tạo lập một doanh nghiệp mới. Có thể đảm nhận một số chức vụ lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp;
- Có thể tham gia công tác giảng dạy những chuyên ngành tương ứng tại các cơ sở đào tạo.

5. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	43
1.1	Lý luận chính trị, pháp luật	13
1.2	Khoa học tự nhiên, xã hội, tin học	11

1.3	Ngoại ngữ	8
1.4	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh	11
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	8
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	32
2.3	Kiến thức chuyên ngành	33
2.4	Kiến thức bổ trợ	8
2.5	Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp	10
	Tổng cộng (1+2)	134

5.3. Nội dung của Chương trình đào tạo:

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (General Knowledge)	43	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	41	
1.1		Lý luận chính trị, pháp luật	13	
1	DCB.03.11	Triết học Mác - Lê-nin (Philosophy of Marxism - Leninism)	3	
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin (Political economics of Marxism - Leninism 2)	2	
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	
4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	
5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
6	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2	
1.2		Khoa học tự nhiên, tin học	9	
7	DCB.05.14	Toán cao cấp (Advanced mathematics)	3	
8	DCB.05.15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2	
9	DCB.05.11	Tin học 1 (Information technology 1)	2	
10	DCB.05.12	Tin học 2 (Information technology 2)	2	
1.3		Ngoại ngữ	8	
11	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
12	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
1.4		Giáo dục thể chất, Quốc phòng - An ninh	11	
		<i>Giáo dục Thể chất (Physical education)</i>	3	
13	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	
14		Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National defense and security education)	8	
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng CS Việt Nam	3	
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2	
	DCB.01.03	Quân sự chung và Kỹ chiến thuật bộ binh	3	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	2	
15	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2	Chọn 1 trong 3 học phần
16	DCB.02.12	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	2	
17	DLKT.38.24	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2	
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	
2.1		Kiến thức cơ sở khối ngành	8	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	6	
18	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
19	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	2	
20	DCB.02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
21	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	
2.2		Kiến thức cơ sở ngành	32	
22	DQK.02.09	Quản trị học (Management studies)	3	
23	DQK.01.06	Marketing căn bản (Essentials of marketing)	3	
24	DCB.02.06	Nguyên lý thống kê (Theory of statistics)	2	
25	DKT.01.32	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	2	
26	DTN.02.07	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
27	DQK.02.07	Quản trị dự án đầu tư (Project management)	2	
28	DQK.02.01	Hệ thống thông tin quản trị (Management information system) (Management information system)	2	
29	DCB.04.08	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
30	DTA.20.40	Tiếng anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1)	4	
31	DTA.20.41	Tiếng anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4	
32	DCB.03.07	Pháp luật kinh tế (Economic law)	3	
2.3		Kiến thức chuyên ngành	33	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	29	
33	DQK.02.04	Quản trị chiến lược (Strategic management)	3	
34	DQK.02.33	Quản trị nguồn nhân lực (Human resources management)	3	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
35	DQK.01.26	Quản trị Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing management)	3	
36	DQK.02.03	Quản trị chất lượng (Quality Management)	3	
37	DQK.02.32	Quản trị Logistics kinh doanh (Business logistics management)	3	
38	DQK.01.10	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business operation analysis)	2	
39	DQK.02.38	Quản trị tác nghiệp (Operational management)	2	
40	DQK.02.39	Quản trị công ty (Corporate Governance)	2	
41	DQK.02.40	Quản trị công nghệ (Technology Management)	2	
42	DQK.02.17	Quản trị thương hiệu (Brand management)	2	
43	DQK.02.41	Tinh thần doanh nghiệp (Entrepreneurship)	2	
44	DQK.02.23	Khởi nghiệp kinh doanh (Starting a business)	2	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	4	
45	DQK.02.42	Quản trị doanh nghiệp sản xuất (Administration of production enterprise)	2	Chọn 2 trong 7 học phần
46	DQK.02.43	Quản trị doanh nghiệp dịch vụ (Administration of service enterprise)	2	
47	DQK.02.44	Quản trị doanh nghiệp thương mại (Administration of commercial enterprise)	2	
48	DQK.02.45	Quản trị doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Administration of export and import enterprise)	2	
49	DQK.02.13	Quản trị marketing (Marketing management)	2	
50	DQK.02.46	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (Corporate Culture and Business Ethics)	2	
51	DTN.01.19	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial bank)	2	
2.4		Kiến thức bổ trợ	8	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	6	
52	DTN.02.38	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Enterprise financial Management)	2	
53	DKT.01.15	Kế toán quản trị (Management Accounting)	2	
54	DQK.02.48	Quản trị rủi ro trong kinh doanh (Business risk management)	2	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	2	
55	DTN.02.19	Thuế (Taxation)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
56	DTN.01.09	Thanh toán quốc tế và Tài trợ ngoại thương (International payment and trade finance)	2	
2.5		Thực tập cuối khóa và Luận văn tốt nghiệp	10	
57	DQK.02.19	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
58	DQK.02.20	Luận văn tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
Tổng cộng			134	

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

6.1 Phương pháp giảng dạy:

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học
1	Phương pháp giảng dạy trực tiếp
2	Phương pháp kỹ năng suy nghĩ
3	Phương pháp dựa trên hoạt động
4	Phương pháp tương tác
5	Phương pháp học tập độc lập
6	Hướng dẫn tự học

6.2 Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

6.2.1 Các phương pháp đánh giá

a) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

b) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

- Vấn đáp: Theo câu hỏi, theo Bài tập lớn.
- Viết: Tự luận, trắc nghiệm, bài tập lớn, khóa luận.
- Thực hành: Kiến tập, Thực tập tại doanh nghiệp

6.2.2 Các hình thức đánh giá

- Đánh giá thường xuyên
- Đánh giá định kỳ
- Đánh giá tổng kết: Kết thúc học phần, kết thúc khóa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

7.1 Cơ sở vật chất, công nghệ

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường.

7.2 Học liệu

Sinh viên sử dụng một 1 giáo trình chính và 2 tài liệu tham khảo.

8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 102/QĐ-ĐHTN-QLĐT ngày 14/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông

tu số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo các quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 và quyết định số 108/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội./.